

Số: /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**THÔNG TƯ****Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện
và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia**

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung hoạt động khuyến công tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP và hướng dẫn triển khai xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công quốc gia; tạm ứng, thanh lý, quyết toán kinh phí khuyến công quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch; tổ chức thực hiện kế hoạch; tạm ứng, thanh lý, quyết toán kinh phí khuyến công quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đề án khuyến công quốc gia* là đề án khuyến công do Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công quản lý, tổ chức thực hiện từ nguồn

kinh phí khuyến công quốc gia để triển khai các hoạt động khuyến công quốc gia theo kế hoạch do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

2. *Đề án khuyến công quốc gia điểm* (sau đây gọi là đề án điểm) là đề án khuyến công quốc gia được lập theo ngành nghề sản xuất các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của quốc gia, vùng, địa phương; có từ 02 nội dung hoạt động khuyến công và 02 đối tượng thụ hưởng trở lên; thời gian thực hiện từ 02 đến 03 năm; các nội dung hoạt động khuyến công trong đề án có sự liên kết nhằm khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm.

3. *Đề án khuyến công quốc gia theo nhóm* (sau đây gọi là đề án nhóm) là đề án khuyến công quốc gia có từ 02 đối tượng thụ hưởng trở lên thực hiện cùng một nội dung hoạt động khuyến công.

4. *Đề án khuyến công quốc gia theo đối tượng cụ thể* là đề án có một đối tượng thụ hưởng xác định cho một nội dung hoạt động khuyến công trên một địa bàn cụ thể.

5. *Nhiệm vụ khuyến công quốc gia thường xuyên* là các nhiệm vụ khuyến công quốc gia trong lĩnh vực: Thông tin tuyên truyền về khuyến công, phát triển sản phẩm RISEP, hợp tác quốc tế về khuyến công, nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công do Cục Đối mới sáng tạo, Chuyên đội xanh và Khuyến công phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện thường xuyên hàng năm để phục vụ chung cho hoạt động khuyến công cả nước.

6. *Hệ thống thông tin quản lý khuyến công* là hệ thống phần mềm, đồng bộ và số hóa toàn bộ quy trình quản lý đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia từ khâu đăng ký, thẩm định, xét chọn, giao kế hoạch và triển khai thực hiện; tổng hợp dữ liệu, báo cáo thống kê phục vụ quản lý nhà nước về khuyến công.

7. *Cập nhật thông tin, dữ liệu lên Hệ thống* là việc các tổ chức, cá nhân thực hiện cung cấp, truyền đưa đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia đã được số hóa theo các trường thông tin, dữ liệu đã được Hệ thống thiết lập.

8. *Máy móc thiết bị tiên tiến* là máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ chưa qua sử dụng, nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu hoặc giảm thiểu ô nhiễm môi trường hoặc tạo ra sản phẩm mới so với máy móc thiết bị cơ sở đang sử dụng.

9. *Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới* là việc áp dụng các giải pháp công nghệ hoặc sản xuất sản phẩm trên địa bàn cấp xã chưa có cơ sở nào áp dụng hoặc sản xuất. Công nghệ mới được lựa chọn xây dựng mô hình trình diễn phải vượt trội hơn về năng suất, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường so với công nghệ hiện các cơ sở đang áp dụng và là công nghệ cần khuyến khích hỗ trợ đầu tư do cơ quan quản lý chương trình xem xét, quyết định.

10. *Xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn* là các nội dung hoạt động hỗ trợ gồm: Hỗ trợ tư vấn, đánh giá sản xuất sạch hơn cho các

cơ sở sản xuất công nghiệp được chọn thí điểm; Hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp điển hình xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn. Các cơ sở sản xuất công nghiệp được lựa chọn hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn phải nâng cao được hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người.

11. *Tổ chức dịch vụ khuyến công* là Trung tâm khuyến công quốc gia và các đơn vị thực hiện đề án, nhiệm vụ khuyến công trực thuộc các Sở Công Thương.

12. *Đơn vị thực hiện* là các tổ chức dịch vụ khuyến công và tổ chức dịch vụ khuyến công khác.

Điều 4. Nguyên tắc lập đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; phù hợp với quy hoạch quốc gia, vùng, tỉnh.

2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; phù hợp với nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Phù hợp với Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn.

4. Phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động khuyến công.

Điều 5. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công quốc gia

Đề án khuyến công quốc gia có những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.

3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

4. Quy mô đề án: Nêu quy mô, các đặc điểm vượt trội, nội dung chính, nội dung đề nghị hỗ trợ của đề án (Đối với dạng đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất cần nêu rõ sơ đồ quy trình sản xuất, sơ đồ quy trình công nghệ)

5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

6. Dự toán kinh phí được lập chi tiết theo Mẫu số 1 Phụ lục 1 của Thông tư này.

7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

Điều 6. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia

1. Các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài (sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ cho một hội chợ, triển lãm); các đề án truyền thông.

2. Ngoài các đề án, nhiệm vụ thực hiện theo Luật Đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều này, các đề án, nhiệm vụ khác thực hiện theo phương thức xét chọn.

Điều 7. Cách thức triển khai thực hiện đề án nhóm, đề án điểm

1. Đề án nhóm

a) Đề án nhóm gồm: Đề án đào tạo nghề, truyền nghề; nâng cao năng lực quản lý, khởi sự thành lập doanh nghiệp; tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm; hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp; hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu;

b) Đề án nhóm không yêu cầu phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp khi thẩm định cấp Bộ. Riêng đề án nhóm hỗ trợ ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp phải lập theo từng lĩnh vực, sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của vùng, địa phương trên cơ sở danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; phải xác định địa điểm, đơn vị thụ hưởng, chủng loại máy móc thiết bị khi thẩm định cấp Bộ và xác định đơn vị phối hợp, thông số kỹ thuật của máy móc thiết bị khi lập kế hoạch triển khai để làm cơ sở ký kết hợp đồng khuyến công quốc gia.

2. Đề án điểm

a) Khi thẩm định cấp Bộ, các nội dung hoạt động khuyến công trong năm đầu kế hoạch phải xác định cụ thể địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp (trừ các nội dung theo nhóm thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này);

b) Đối với việc xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo: Các địa phương, đơn vị, Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh nội dung hoạt động khuyến công phù hợp với tình hình thực tế, lập thành kế hoạch khuyến công quốc gia cho năm dự toán ngân sách trên cơ sở đã xác định cụ thể các nội dung yêu cầu như đối với năm đầu kế hoạch để thẩm định theo quy định;

c) Đề án điểm sau khi được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công quốc gia trong năm đầu kế hoạch, sẽ được ưu tiên

bố trí kinh phí các năm tiếp theo để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.”

Chương II

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

Điều 8. Khảo sát, xây dựng kế hoạch

- Hằng năm, căn cứ Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn đã được phê duyệt và văn bản hướng dẫn của các cơ quan có liên quan, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công chủ trì hướng dẫn các Sở Công thương, ban, ngành liên quan và các tổ chức dịch vụ khuyến công xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia;

- Đơn vị thực hiện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng tác viên khuyến công khảo sát thực tế cơ sở; thu thập, tổng hợp thông tin, nhu cầu được hỗ trợ của cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn.

- Đơn vị thực hiện lập hồ sơ đề án gửi Sở Công Thương để thẩm định cấp cơ sở.

Điều 9. Tổ chức thẩm định

1. Thẩm định cấp cơ sở

a) Đối với đề án thực hiện trên địa bàn một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Giám đốc Sở Công Thương thành lập Hội đồng để tổ chức thẩm định cấp cơ sở các đề án đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia; tổng hợp thành danh mục theo Mẫu số 2 Phụ lục 1 của Thông tư này, gửi về Bộ Công Thương để thẩm định cấp Bộ; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo.

b) Đối với đề án, nhiệm vụ do các đơn vị khác thực hiện trên quy mô nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hồ sơ đề án gửi trực tiếp về Bộ Công Thương để thẩm định cấp Bộ.

2. Thẩm định cấp Bộ

a) Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, các Sở Công Thương, Trung tâm khuyến công quốc gia, tổ chức dịch vụ khuyến công khác gửi hồ sơ điện tử đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia qua hệ thống thông tin quản lý khuyến công theo hướng dẫn của Bộ Công Thương; đồng thời gửi bản cứng Phiếu thẩm định cấp cơ sở về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công. Hồ sơ bao gồm:

- Báo cáo đăng ký đề án khuyến công quốc gia;

- Phiếu thẩm định cấp cơ sở đối với các đề án, nhiệm vụ do Sở Công Thương đăng ký;

- Danh mục tổng hợp chung kèm các đề án khuyến công quốc gia được lập theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

b) Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thành lập Hội đồng để tổ chức thẩm định cấp Bộ các đề án, nhiệm vụ theo danh mục đăng ký kế hoạch khuyến công quốc gia của các địa phương, đơn vị, Trung tâm Khuyến công quốc gia và đề án, nhiệm vụ của Cục.

3. Phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia

a) Sau khi thẩm định cấp Bộ, các đề án, nhiệm vụ được tổng hợp thành kế hoạch khuyến công quốc gia, phù hợp với dự toán kinh phí được giao của cấp có thẩm quyền, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt và tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương gửi Bộ Tài chính kiểm tra theo quy định.

b) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông báo giao nhiệm vụ khuyến công quốc gia thường xuyên cho các đơn vị thuộc Bộ Công Thương sau khi có quyết định phê duyệt kế hoạch khuyến công quốc gia của Bộ Công Thương để tổ chức thực hiện theo quy định; thông báo giao kế hoạch khuyến công quốc gia cho các địa phương, đơn vị khác để ký hợp đồng, triển khai thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất phân bổ dự toán ngân sách của Bộ Tài chính.

Điều 10. Phương thức xét chọn các đề án khuyến công quốc gia

1. Khi xét giao kế hoạch khuyến công quốc gia hàng năm: ưu tiên các đề án khuyến công quốc gia điềm; ưu tiên ngành nghề, địa bàn theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp các đề án khuyến công quốc gia triển khai trên địa bàn có điều kiện như nhau, ngành nghề như nhau, ưu tiên xét giao các đề án khuyến công quốc gia của đơn vị có kinh nghiệm, năng lực tổ chức thực hiện tốt hơn.

3. Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định thì ưu tiên lựa chọn cơ sở do phụ nữ làm chủ, cơ sở sử dụng nhiều lao động nữ, lao động yếu thế và lao động là người dân tộc thiểu số hơn.

Điều 11. Nội dung thẩm định

1. Mức độ phù hợp của đề án với các nguyên tắc được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

2. Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của đề án; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

3. Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng.

4. Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình mục tiêu khác.

5. Sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu của đề án.

Điều 12. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án

1. Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, Sở Công Thương, tổ chức dịch vụ khuyến công có văn bản đề nghị gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, trong đó nêu rõ lý do.

2. Trên cơ sở đề nghị của các đơn vị thực hiện, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công xem xét phê duyệt hoặc trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt, cụ thể như sau:

a) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trình Bộ Công Thương phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh: tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ; thay đổi nội dung hoạt động khuyến công; đề nghị bổ sung hoặc ngừng triển khai thực hiện đề án khuyến công quốc gia.

b) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công phê duyệt các đề nghị điều chỉnh: thay đổi địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, thời gian (trong năm tài chính) thực hiện đề án; các điều chỉnh không làm thay đổi hoặc điều chỉnh giảm tổng mức kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và các điều chỉnh khác (trừ các nội dung điều chỉnh quy định tại Khoản 4 Điều này). Các điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thực hiện thông qua các hình thức: Ban hành quyết định điều chỉnh giao nhiệm vụ hoặc điều chỉnh thông qua điều chỉnh các nội dung điều khoản tại hợp đồng thực hiện đề án khuyến công quốc gia.

3. Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công xem xét, trình Bộ Công Thương quyết định phê duyệt ngừng thực hiện.

4. Đối với các đề án lập theo nhóm, khi điều chỉnh thay đổi địa điểm, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, Sở Công Thương chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và quyết định điều chỉnh đối với các đề án do Sở Công Thương đăng ký và các đề án của đơn vị khác do Sở Công Thương thẩm định cấp cơ sở. Hình thức điều chỉnh thông qua điều chỉnh kế hoạch hoặc điều chỉnh bằng quyết định. Văn bản điều chỉnh được gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để theo dõi, tạm ứng, thanh quyết toán.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA

Điều 13. Nguyên tắc tạm ứng, thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng

Việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng khuyến công quốc gia áp dụng đối với các đơn vị thực hiện đề án, nhiệm vụ của một số nội dung hoạt động khuyến công quốc gia (bên B) thông qua hợp đồng ký với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công theo kế hoạch khuyến công quốc gia được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt. Đối với các đề án, nhiệm

vụ giao cho các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ Công Thương, Vụ Kế hoạch Tài chính và Quản lý doanh nghiệp thực hiện thẩm định dự toán, xét duyệt quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 14. Tạm ứng, thanh toán kinh phí khuyến công quốc gia

1. Đối với các đề án thực hiện trong 1 năm:

a) Tạm ứng 50% kinh phí hỗ trợ của đề án

Tạm ứng 50% kinh phí hỗ trợ của đề án sau khi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công ký hợp đồng thực hiện đề án với tổ chức dịch vụ khuyến công (đơn vị thực hiện đề án) được Bộ Công Thương giao kinh phí thực hiện.

Hồ sơ tạm ứng: Theo quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này.

b) Thanh toán kinh phí còn lại/ Thanh toán kinh phí hỗ trợ 1 lần của đề án

Số kinh phí thực hiện đề án còn lại được thanh toán sau khi đề án đã hoàn thành và dựa vào khối lượng được nghiệm thu cơ sở. Thanh toán kinh phí còn lại, đơn vị thực hiện đề án phải gửi hồ sơ thanh toán về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công bao gồm: Biên bản nghiệm thu cơ sở theo Mẫu số 6a hoặc 6b hoặc 6c Phụ lục 1 của Thông tư này; báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án; báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 4 Phụ lục 1 của Thông tư này và bản chính hoặc bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng từ như quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này.

2. Đối với các đề án thực hiện nhiều năm và đề án điểm

Kinh phí được giao từng năm, Tạm ứng kinh phí lần 1, thanh toán kinh phí còn lại như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

3. Thay đổi tỷ lệ, hồ sơ tạm ứng và các đề án, nhiệm vụ khác

Trường hợp khi thực hiện đề án phải thay đổi tỷ lệ tạm ứng khác với quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này để hoàn thành đề án được giao, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công xem xét, quyết định tỷ lệ, hồ sơ tạm ứng nhưng không trái với các quy định tài chính hiện hành.

Các đề án, nhiệm vụ khác chưa quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này do , Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công quyết định tỷ lệ và hồ sơ tạm ứng phù hợp với các quy định hiện hành.

Điều 15. Quyết toán kinh phí và thanh lý hợp đồng

1. Sau khi kết thúc hợp đồng thực hiện đề án, nhiệm vụ, đơn vị thực hiện có trách nhiệm hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định. Căn cứ tình hình thực tế, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông báo thời gian, địa điểm để quyết toán và thanh lý hợp đồng với đơn vị cho phù hợp, nhưng không chậm quá ngày 31 tháng 3 của năm sau.

2. Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện đề án vì lý do bất khả kháng,

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công xem xét quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện. Hồ sơ để quyết toán, thanh lý hợp đồng trong trường hợp này gồm: Văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đề án; biên bản nghiệm thu cơ sở xác nhận khối lượng đã thực hiện; chứng từ chi cho khối lượng công việc đã thực hiện theo quy định.

3. Hồ sơ quyết toán

Toàn bộ hồ sơ đề án; hồ sơ tạm ứng, thanh toán; Biểu chi tiết quyết toán theo Mẫu số 8, Mẫu số 9 Phụ lục 1 của Thông tư này.

4. Thanh lý hợp đồng

Biên bản Thanh lý hợp đồng được ký sau khi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thực hiện quyết toán kinh phí khuyến công quốc gia với đơn vị được giao thực hiện đề án trên cơ sở phần kinh phí được quyết toán.

Sau khi thanh lý hợp đồng thực hiện đề án cuối cùng trong năm, đơn vị thực hiện đề án phải lập Bảng đối chiếu kinh phí theo Mẫu số 10 Phụ lục 1 của Thông tư này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập đề án, dự toán, xây dựng kế hoạch khuyến công quốc gia hằng năm. Tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công quốc gia được phê duyệt và tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí khuyến công quốc gia.

2. Tổ chức thực hiện đấu thầu đối với các đề án, nhiệm vụ phải thực hiện đấu thầu do Bộ trưởng Bộ Công Thương giao cho Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trực tiếp thực hiện. Tổ chức nghiệm thu các đề án, nhiệm vụ được giao theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia và việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia.

4. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công quản lý, theo dõi và tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công quốc gia trên phạm vi cả nước báo cáo Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng kế hoạch và thực hiện các đề án khuyến công quốc gia tại địa phương khi được phê duyệt. Chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu cơ sở và kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng các quy định hiện hành.

2. Đối với các đề án, nhiệm vụ của các đơn vị do Sở Công Thương đăng ký kế hoạch hoặc đề án của đơn vị khác thực hiện trên địa bàn do Sở Công Thương thẩm định cấp cơ sở:

a) Đối với các đề án lập theo nhóm, Sở Công Thương kiểm tra, thẩm định hồ sơ đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định và phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện. Các tài liệu như giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Bảng cân đối kế toán, các tài liệu liên quan khác lưu tại Sở Công Thương.

b) Sở Công Thương có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định hồ sơ, lý do điều chỉnh, bổ sung, ngừng thực hiện và tình hình thực tế tại cơ sở công nghiệp trước khi quyết định điều chỉnh hoặc đề nghị Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công điều chỉnh, bổ sung, ngừng thực hiện đề án (nếu có).

c) Đối với một số nội dung hoạt động khuyến công theo quy định phải thực hiện đấu thầu: Sau khi nhận được quyết định giao kế hoạch khuyến công quốc gia của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Sở Công Thương phối hợp với các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền để tổ chức đấu thầu theo quy định và gửi Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để làm cơ sở ký kết hợp đồng khuyến công quốc gia.

3. Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá, giám sát thực hiện các đề án, nhiệm vụ và việc sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn địa phương.

4. Sở Công Thương kiểm tra, xác nhận khối lượng công việc, kinh phí thực hiện tại các báo cáo tiến độ để đề nghị tạm ứng và hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hợp đồng khuyến công quốc gia theo quy định.

5. Sở Công Thương tổng hợp báo cáo (quý, 6 tháng, tổng kết năm; báo cáo đột xuất) tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công quốc gia trên địa bàn địa phương gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Sở Công Thương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề có liên quan đến thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia thực hiện trên địa bàn. Bổ sung

Điều 18. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến công quốc gia

1. Lập hồ sơ đề án, nhiệm vụ và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện theo quy định. Phối hợp với Sở Công Thương, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, nghiệm thu các đề án được giao theo các quy định về công tác khuyến công và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

2. Tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện hàng tháng (gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trước ngày 25 hàng tháng), báo cáo quý, 6 tháng, tổng kết năm, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia theo quy định của pháp luật. Đảm bảo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu và các văn bản trong quá trình lập hồ sơ đề án và tổ chức thực hiện đề án.

Điều 19. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện

1. Lập hồ sơ đề án và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đề án theo quy định. Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán các đề án, nhiệm vụ khuyến công quốc gia; các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thực hiện hoạt động khuyến công quốc gia.

2. Tổ chức thực hiện đề án khuyến công quốc gia theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết và các quy định hiện hành. Thực hiện tạm ứng, thanh quyết toán theo quy định tại Thông tư này; sử dụng kinh phí đúng dự toán, đảm bảo hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

3. Đối với các đề án lập theo nhóm, sau khi được giao kế hoạch đơn vị thực hiện đề án rà soát và lập kế hoạch (theo Mẫu số 11 Phụ lục 1 của Thông tư này) trình Sở Công Thương thẩm định và phê duyệt kế hoạch để tổ chức thực hiện; đồng thời gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công để theo dõi tạm ứng, quyết toán. Các tài liệu như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Bảng cân đối kế toán và các tài liệu liên quan khác lưu tại đơn vị thực hiện đề án.

4. Trách nhiệm tổng hợp báo cáo

a) Các đơn vị thực hiện đề án hàng tháng lập báo cáo tiến độ thực hiện các đề án khuyến công theo biểu mẫu quy định (theo Mẫu số 3b Phụ lục 1 của Thông tư này) gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Sở Công Thương trước ngày 25 hàng tháng. Đối với báo cáo tiến độ liên quan đến đề nghị chuyên tạm ứng kinh phí khuyến công phải có kiểm tra, xác nhận của Sở Công Thương nơi triển khai thực hiện đề án.

b) Khi kết thúc thực hiện đề án, đơn vị được giao thực hiện đề án lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề án, báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng (kèm hồ sơ khi thanh lý, quyết toán hợp đồng).

c) Tổng hợp báo cáo đột xuất, báo cáo phục vụ kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện các đề án và việc sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia.

5. Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, Sở Công Thương tổ chức nghiệm thu cơ sở các đề án khuyến công theo quy định.

6. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán về đề án, kế hoạch khuyến công quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ...tháng.... năm 2026 và thay thế các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương:.....

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện KSNDTC; Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương; các đơn vị thuộc Bộ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, ĐCK (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân